

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 187/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27/ 11 / 2019

V/v Tranh chấp: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Nam Phước

2. Bà Lê Thị Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thùy Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Vân, Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “***Ly hôn***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28a/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11a/DSST ngày 11 tháng 11/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thúy L

Trú tại: Đường 22, số nhà 34, Phường S, thành phố K, tỉnh Đồng Nai (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Ông Trần Quang T

Trú tại: thôn G, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2019 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Võ Thị Thúy L trình bày:*

Bà và ông Trần Quang T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện K, tỉnh Đồng Nai vào năm 2006. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng cuối năm 2011 đến nay. Bà L, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc vợ chồng đã thật sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông T để mỗi người được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Bà L khai vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Võ Quốc A, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2005. Từ khi vợ chồng ly thân nhau đến nay cháu A ở với bà L. Nay ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại hồ sơ vụ án thể hiện, ông Trần Quang T hiện có hộ khẩu tại Thôn G, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Nhưng qua xác minh hiện nay, ông Trần Quang T không có mặt tại địa phương. TAND huyện Đ niêm yết các thủ tục tố tụng của ông T theo quy định pháp luật. Qua xác minh, ông Trần Kinh (cha ruột của ông Trần Quang T) xác nhận ông T đã đi làm ăn tại Thành Phố Hồ Chí Minh sau khi kết hôn. Từ năm 2018 đến nay ông T rất ít liên lạc với gia đình. Vì vậy, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông T tại địa phương như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo việc công khai chứng cứ, thông báo về các phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

* *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Võ Thị Thúy L đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Trần Quang T, trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72, 227 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vắng mặt, không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L và ông T đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà L, xử cho bà L được ly hôn với ông T.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Võ Trần Quốc A, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2005 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con : bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Về quan hệ tài sản, nợ chung: Bà L khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Trần Quang T đã cố tình trốn tránh, không chịu làm việc với Tòa. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Quang T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật .

- *Về nội dung:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Thúy L và ông Trần Quang T thì thấy ông bà đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự

nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, K, Đồng Nam vào năm 2006. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của bà L và ông T thì thấy sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng bà L và ông T ly thân nhau từ năm 2011 đến nay. Trong thời gian ly thân ông T, bà L bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L xử cho bà L được ly hôn với ông T là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

- **Về quan hệ con chung:** Xét nguyện vọng về nuôi con chung của bà L là phù hợp HĐXX nghĩ nên chấp nhận. Tiếp tục giao cháu Trần Võ Quốc A cho bà L nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xét.

- **Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:** Bà L khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án Phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. HĐXX buộc bà L phải chịu án phí theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 các Điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Thúy L :

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tuyên xử cho bà Võ Thị Thúy L được ly hôn với ông Trần Quang T.

- **Về quan hệ con chung:** Giao cho bà Võ Thị Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu là Võ Trần Quốc A, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2005 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Bà L không yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Quang T có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Khi có lý do chính đáng, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về án phí:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Võ Thị Thúy L phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai thu số 0003355 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, có mặt có quyền kháng cáo và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Các đương sự
- UBND xã H
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Phượng